



quyền, có mặt

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Hữu S, địa chỉ: Cảnh trường THPT G, đường Đ3, xã G1, huyện G2, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại TM, địa chỉ: Đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 27/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Do cần mặt bằng xây dựng trụ sở, nhà xưởng, kho bãi tập kết phương tiện tại thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị. Sau khi trao đổi T với công ty cổ phần T1 (Công ty T1), ngày 10/8/2010 công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T ( Công ty T) đã họp hội đồng thành viên và cử ông Vũ Hữu S Phó Giám đốc công ty là người đại diện tham gia góp cổ phần với công ty T1 số vốn góp là 2.000.000.000 đồng, tương ứng với 20.000 cổ phiếu của công ty T1. Công ty T nhờ công ty T1 làm thủ tục với UBND tỉnh Quảng Trị thuê diện tích đất ở vị trí số 33, tờ bản đồ số 45, đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị với diện tích 4.079m<sup>2</sup> với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Theo thỏa thuận của hai bên công ty thì toàn bộ kinh phí thuê đất, nộp tiền sử dụng đất đều do công ty T chi trả đứng tên pháp nhân là công ty T1. Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, làm trụ sở văn phòng với số tiền gần 20.000.000.000 đồng. Việc đầu tư xây dựng và quản lý của công ty diễn ra bình thường, không có tranh chấp gì.

Ngày 21/4/2015, UBND tỉnh Quảng Trị có thông báo số 86/TB-UBND thông báo chủ trương thu hồi diện tích đất trên thì xảy ra tranh chấp. Công ty T đã có công văn gửi Công ty T1 rút tiền góp vốn và kinh phí xây dựng nhưng công ty T1 không trả. Vì vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T1 trả cho Công ty T số tiền 3.900.930.000 đồng( *Ba tỷ, chín trăm triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*, trong đó: Tiền góp vốn là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 15/9/2010 đến ngày 29/3/2018 là 1.900.930.000 đồng.

Ngày 07/4/2020, Công ty T có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung: Yêu cầu Tòa án đưa Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại TM (Công ty TM) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì Công ty TM là doanh nghiệp do Công ty T cử thành viên sáng lập. Ngày 08/11/2013 Công ty TM có ký hợp đồng mượn mặt bằng với công ty T1. Theo hợp đồng công ty T1 đồng ý cho công ty TM mượn quyền sử dụng đất tại thửa số 33, tờ bản đồ số 45, đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị với diện tích 4.079m<sup>2</sup> (Theo GCNQSDĐ số BĐ 015142 ngày 22/9/2011 do

UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho công ty T1) để làm văn phòng sản xuất và kinh doanh. Công ty TM là thành viên của công ty T nên mọi kinh phí đều do Công ty T thực hiện. Theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thu hồi đất giao cho công ty T1. Tại Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng với số tiền là 2.058.618.000 đồng cho công ty T1 là không đúng vì những tài sản trên đất là của công ty T. Vì vậy, yêu cầu Tòa án xác định tài sản trên đất bị thu hồi là của Công ty T nên số tiền bồi thường 2.058.618.000 đồng mà UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt bồi thường cho Công ty T1 là của Công ty T.

Ngày 27/4/2020, Công ty T có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: Công ty T xin rút toàn bộ yêu cầu cầu khởi kiện buộc công ty T1 phải trả cho công ty T số tiền 2.000.000.0000 đồng tiền vốn góp và tiền lãi. Thay đổi yêu cầu trên bằng việc yêu cầu Tòa án xác định Công ty T là cổ đông của Công ty T1, với giá trị vốn góp là 2.000.000.000 đồng. Giữ nguyên yêu cầu tranh chấp về tài sản trên đất, yêu cầu Tòa án xác định tài sản trên đất bị thu hồi là của Công ty T và số tiền phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng khi bị thu hồi đất là 2.058.618.000 đồng mà UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt bồi thường cho Công ty T1 là của Công ty T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Vũ Hữu S được Công ty T cử sang góp vốn tại công ty T1 theo Biên bản họp hội đồng thành viên của công ty T ngày 10/8/2010 và ông S là cổ đông sáng lập của công ty T1 với các lý do: Tại biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 09/9/2010 đã xác định 04 thành viên góp vốn trong đó có tên ông Vũ Hữu S, địa chỉ: Xã G1, huyện G2, tỉnh Ninh Bình. Giấy đăng ký kinh doanh được cấp lần đầu vào ngày 15/9/2010 có tên ông S là cổ đông sáng lập. Nếu như sau 90 ngày ông S không góp vốn thì tại sao Thông báo số 16/TB ngày 22/7/2015 công ty T1 lại bổ sung thông tin về hộ khẩu của ông S và tại Biên bản họp Hội đồng cổ đông của công ty T1 ngày 22/7/2015 lại có tên ông S trong danh sách cổ đông sáng lập. Việc bị đơn cho rằng ông S chưa nộp tiền là không có căn cứ. Do đó, yêu cầu Tòa án công nhận công ty T là cổ đông của công ty cổ phần T1 do ông Vũ Hữu S được công ty cử tham gia góp vốn với số tiền 2 tỷ đồng.

Đối với yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thửa đất của công ty T1 là tài sản của công ty T với lý do: Căn cứ vào hợp đồng cho mượn mặt bằng giữa công ty cổ phần T1 với công ty TM ngày 08/11/2013 cho công ty TM xây dựng văn phòng làm việc. Trên cơ sở hợp đồng trên thì công ty TM giao cho công ty T lập hồ sơ thiết kế và thi công trên mảnh đất của công ty cổ phần T1. Ngày 30/9/2018 Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại TM đã bán lại cho công ty T với số tiền là 2.560.800.000 đồng và bàn giao trụ sở cho

công ty TNHH Xây dựng T và hiện nay công ty T đang sử dụng. Vì vậy, toàn bộ tài sản trên đất của công ty cổ phần T1 là của công ty TNHH Xây dựng T.

**Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/02/2020, 05/6/2020 và tại phiên tòa bị đơn trình bày:**

Công ty cổ phần T1 được thành lập trên cơ sở trước đây là công ty TNHH T1 gồm có 03 thành viên là ông Trần Hữu Th, Trần Hữu C và Đỗ Xuân H1. Năm 2010 chuyển đổi thành công ty cổ phần T1 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, các thành viên đăng ký mua cổ phần gồm ông Trần Hữu Th 3 tỷ đồng, ông Trần Hữu C 3 tỷ đồng, ông Phan T1 2 tỷ đồng và ông Vũ Hữu S 2 tỷ đồng. Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty thì sau 03 tháng các cổ đông phải nộp tiền mua cổ phần vào cho công ty. Nhưng hơn 1 năm ông Vũ Hữu S không nộp tiền vào cho công ty nên vào ngày 15/02/2012 hội đồng cổ đông đã họp và loại tên ông S ra khỏi danh sách cổ đông công ty, số cổ phần ông S đăng ký nhưng không mua đã được các thành viên còn lại nộp vào mua thành cổ đông của công ty. Công ty hoạt động không liên quan gì đến Công ty T và Công ty T không có chứng cứ pháp lý nào chứng minh có góp vốn vào công ty cổ phần T1. Vì vậy, công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận là cổ đông tại công ty cổ phần T1 là không có căn cứ.

Về tranh chấp tài sản trên đất bị thu hồi: Công ty T1 được Nhà nước cho thuê đất với thời hạn 50 năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 015142 ngày 22/9/2011 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45 tại đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị với diện tích là 4.097m<sup>2</sup>. Công ty đã nộp tiền thuê đất là 1.367.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 14/02/2012. Sau khi được cấp đất công ty đã thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ để tiến hành kinh doanh với tổng giá trị gần 2.500.000.000 đồng. Công ty T không có quyền gì để xây dựng trụ sở khi quyền sở hữu lô đất là của công ty cổ phần T1 và không có sự đồng ý của công ty T1.

Ngày 29/6/2015 UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1345 về việc thu hồi đất đã giao cho công ty T1 và ngày 07/9/2017 UBND tỉnh Quảng Trị đã ra Quyết định số 2439 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường cho công ty T1. Biên bản kê khai tài sản của công ty T1 đã được Trung tâm quỹ đất tỉnh đã tiến hành niêm yết công khai tại UBND phường Đ4 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh nhưng công ty TNHH xây dựng T vẫn không có ý kiến gì.

Tại thông báo số 329/TB-TTPTQĐT ngày 30/5/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất nêu rõ: “ Trong thời hạn công khai ngoài các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng các đối tượng khác có ý kiến thắc mắc, kiến nghị thì gặp Hội đồng công khai tại buổi trực công khai hoặc gửi đơn kiến nghị trước ngày kết thúc công khai để xem xét, giải quyết. Hết thời gian công khai Hội đồng sẽ không chịu trách nhiệm về những kiến nghị, khiếu nại sau này liên quan đến phương án

bồi thường, hỗ trợ. Trong thời gian công khai từ ngày 30/5/2017 đến ngày 19/6/2017, công ty T không có ý kiến gì. Nay, công ty T khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật. Đối với tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 45 tại đường 9D, khu phố Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị là của công ty T1 xây dựng nên việc công ty T cho rằng tài sản trên của công ty T là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với hợp đồng cho mượn đất của công ty T1 với công ty TM: Khi mới thành lập công ty TM có làm hợp đồng mượn mặt bằng để xây dựng nhà xưởng nhưng không thực hiện. Đối với việc mua bán tài sản giữa công ty T với công ty TM công ty T1 hoàn toàn không biết gì và việc hai công ty này mua bán tài sản trên đất của công ty T1 khi không có công ty T1 ký vào hợp đồng mua bán tài sản là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, công ty cổ phần T1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hữu S và Công ty TNHH TM không có văn bản trình bày ý kiến.**

**Với các nội dung trên;**

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:***

Căn cứ khoản 3 Điều 30, Điều 37, Điều 147, Điều 157, khoản 4 Điều 264, của Bộ luật TTDS; Điều 80, 81 và Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận công ty TNHH Xây dựng T là cổ đông của công ty cổ phần T1 với số vốn góp 2.000.000.000 đồng

- Không công nhận tài sản trên đất của công ty cổ phần T1 là của công ty T, số tiền 2.058.618.000 đồng tại Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 mà UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt bồi thường cho Công ty T1 là tài sản của công ty T1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định;

- Ngày 7/10/2020, nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn kháng cáo ngày 07/10/2020, nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T yêu cầu cấp phúc thẩm xác định Công ty TNHH xây dựng T là cổ đông góp vốn vào Công ty cổ phần T1, với số vốn góp là 2.000.000.000 đồng (tương đương 2.000 cổ phần). Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút phần nội dung kháng cáo này, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH xây dựng T yêu cầu xác định các tài sản trên đất thuê của Công ty T1 thuộc quyền sở hữu của Công ty T (tương ứng với giá trị bồi thường khi thu hồi là 2.058.618.000 đồng), thấy:

Ngày 22/9/2011, Công ty cổ phần T1 được UBND tỉnh Quảng Trị giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 4.079m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 015142 ngày 22/9/2011 và được bàn giao đất theo Biên bản bàn giao thực địa ngày 06/9/2012. Sau khi được giao đất, Công ty T1 không sử dụng đất mà cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại TM (viết tắt là Công ty TM) mượn mặt bằng thể hiện tại Tài Hợp đồng cho mượn mặt bằng ngày 08/11/2013, giữa bên cho mượn là Công ty cổ phần T1 với bên mượn mặt bằng là Công ty TM, theo đó Công ty T1 đồng ý cho Công ty TM mượn mặt bằng tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 45, diện tích 4.079 m<sup>2</sup> để Công ty TM làm văn phòng giao dịch, sản xuất và kinh doanh, được phép xây dựng văn phòng làm việc và nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn cho mượn là 10 năm.

Sau khi mượn mặt bằng, ngày 10/9/2012, Công ty TM và Công ty T ký Biên bản thỏa thuận, theo đó do Công ty TM đang gặp khó khăn nên Công ty T đứng ra bỏ kinh phí xây dựng cho Công ty TM, sau đó Công ty TM sẽ có trách nhiệm hoàn trả kinh phí này. Trên cơ sở Biên bản thỏa thuận trên, Công ty T đã lập hồ sơ thiết kế thi công văn phòng làm việc Công ty TM và tiến hành xây dựng.

Tại Hợp đồng mua bán trụ sở Công ty ngày 30/9/2018, giữa Công ty TM và Công ty T, có nội dung: Công ty TM chuyển nhượng toàn bộ trụ sở văn phòng công ty TM tại đường D9, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị cho Công ty T với số tiền 1.036.200.000 đồng và Sân trụ sở văn phòng công ty TM tại đường D9, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị cho Công ty T với số tiền 1.524.600.000 đồng; việc thanh toán số tiền này hai bên tự thực hiện, ngày 30/9/2018, Công ty TM đã nhận tiền và xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T và đã bàn giao toàn bộ tài sản trên cho Công ty T theo Biên bản giao tài sản ngày 30/9/2018.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020, thể hiện: tài sản trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, tại đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2,

tỉnh Quảng Trị, gồm có: Nhà bảo vệ; Nhà ở cho công nhân; Cổng, tường bao; Các hạng mục phụ trợ; Những tài sản này đang do Công ty T quản lý, sử dụng.

Như vậy, tài sản trên đất tại đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị do Công ty TM tạo lập trong thời gian Công ty TM mượn mặt bằng của Công ty T1, Công ty T1 từ khi được giao đất đến thời điểm cho Công ty TM mượn mặt bằng không sử dụng đất, nên không có cơ sở cho rằng tài sản trên đất thuộc sở hữu của Công ty T1. Công ty TM chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên cho Công ty T theo Hợp đồng mua bán trụ sở công ty và Biên bản giao tài sản ngày 30/9/2018 nên thuộc quyền sở hữu của Công ty T theo quy định tại Điều 223 của Bộ luật Dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc xác định tài sản nằm trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, tại đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị, gồm: Nhà bảo vệ; Nhà ở cho công nhân; Cổng, tường bao; Các hạng mục phụ trợ theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020 là không có cơ sở như đã phân tích trên. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sở hữu các tài sản này thuộc quyền sở hữu của Công ty T.

[3] Về án phí:

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Xét, yêu cầu của Nguyên đơn về việc công nhận tài sản, gồm: Nhà bảo vệ, Nhà ở cho công nhân; Cổng, tường bao; Các hạng mục phụ trợ nằm trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, tại đường 9D, phường Đ4, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sở hữu của Công ty T là yêu cầu công nhận quyền sở hữu, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại không có giá ngạch, do đó đương sự chỉ phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH xây dựng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch (112.058.618 đồng) là không đúng.

Trong vụ án này, do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc Bị đơn là Công ty cổ phần T1 phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH xây dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm loại có giá ngạch. Được hoàn lại số tiền 55.009.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng*) đã tạm nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0009203 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên Công ty TNHH xây dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (được hoàn trả lại).

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty T, sửa một phần Bản án sơ thẩm ở nội dung án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đề nghị này có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH xây dựng T, sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Căn cứ khoản 3 Điều 30, Điều 37, Điều 147, Điều 157, khoản 4 Điều 264, của Bộ luật TTDS;

- Căn cứ Điều 86 của Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí;

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T.

Công nhận các tài sản nằm trên thửa đất số 43, tờ bản đồ số 45, diện tích 4.079 m<sup>2</sup> thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH xây dựng T (tài sản được miêu tả cụ thể theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020, gồm có: Nhà bảo vệ; Nhà ở cho công nhân; Cổng, tường bao; Các hạng mục phụ trợ).

2. Về án phí:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty cổ phần T1 phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại.

Nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 55.009.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0009203 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu*



đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 000765 ngày 22/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thanh Long**